

“BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP” MỘT CÔNG TRÌNH MẪU MỤC VỀ XÃ HỘI HỌC CỦA LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC

TRẦN THỊ QUÝ

Cùng với những hoạt động thực tiễn vô cùng phong phú, trong suốt cuộc đời phấn đấu, hy sinh vì dân, vì nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc những di sản văn hóa - tư tưởng vô cùng quý giá.

Là lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, là chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời là một nhà tư tưởng, nhà văn, nhà sử học lớn. Thuở bình sinh, trong tâm niệm, Chủ tịch Hồ Chí Minh không có suy nghĩ và mong muốn trở thành một học giả, một văn hào. Song, do nhu cầu của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Người đã sử dụng ngòi bút làm vũ khí chiến đấu. Kết hợp tinh hoa dân tộc với văn minh Đông – Tây, thiên tài chính trị với mẫu cảm xã hội, trí thức lý luận với thực tiễn phong phú, các tác phẩm và bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành vô giá.

Tìm hiểu giá trị những tác phẩm bài viết của Người là công việc lớn lao, đòi hỏi công sức của nhiều thế hệ. Trong quá trình học tập các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi nhận thức rõ một điều: từ rất sớm, Bác đã sử dụng những nguyên tắc và tư liệu nghiên cứu xã hội học phục vụ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, phục vụ tuyên truyền và tổ chức cách mạng. Trong bài viết nhỏ này, thông qua một tác phẩm cụ thể *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tôi muốn làm sáng tỏ rõ phương pháp sử dụng khoa học xã hội học của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi bình minh của cách mạng Việt Nam.

*

Vào những năm 20 sau cuộc thế chiến đẫm máu để chia lại thị trường thế giới, các nước đế quốc đua nhau bóc lột thuộc địa Cường độ khai thác, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc đã đẩy các dân tộc bị áp bức vào thảm cảnh. Mặt khác, lúc này phong trào cách mạng thế giới có nhiều biến chuyển quan trọng. Ảnh hưởng vang dội của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động trực tiếp đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, đến phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản trong các nước tư bản. Tuy thế, chiêu bài “khai hóa văn minh” mà bọn đế quốc dựng lên trong quá trình xâm chiếm thuộc địa vẫn còn lừa mị một bộ phận vô sản và các dân tộc bị áp bức, cản trở các phong trào dân tộc dân chủ lúc đó còn thiếu tổ chức và thiếu sự hợp đồng chiến đấu. Lột trần thực chất xâm lược, tàn bạo của chủ nghĩa thực dân trước con mắt các dân tộc thuộc địa và vô sản chính quốc, kêu

gọi sự vùng dậy của các dân tộc nô lệ và sự ủng hộ của vô sản các chính quốc lúc đó là một nhiệm vụ lịch sử mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần thực hiện. Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời đã tích cực đáp ứng nhu cầu khách quan đó.

Với tư cách là một trong những người sáng lập “Hội liên hiệp thuộc địa” và tờ báo *Người cùng khổ*, Người đã đặt chân lên nhiều nước thuộc địa khắp các châu Á, Phi, Mỹ latin và cảm thông sâu sắc nỗi thống khổ của các dân tộc bị nô lệ. Từ đó, Người đã có điều kiện phác họa một cách chân thực, đầy đủ nhất bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân Pháp.

“*Bản án chế độ thực dân Pháp*” có giá trị lý luận và thực tiễn lớn lao chính vì từ những thông số, những dữ kiện phong phú thu thập được bằng phương pháp điều tra có tính chất xã hội học. Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng lý luận Mác-Lênin chỉ ra được bản chất của các chế độ xã hội thực dân và xu thế phát triển tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở những nước mà chủ nghĩa thực dân đang thống trị.

Nghiên cứu chế độ thực dân của đế quốc Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đi sâu khảo sát từng mặt, từng bộ phận của chế độ dã man đó. Cấu trúc của tác phẩm gồm 12 chương, trong đó tác giả tập trung phân tích, phê phán việc bắt lính thuộc địa tham gia chiến tranh thế giới, nêu lên các thủ đoạn bóc lột về kinh tế, đàn áp về chính trị, ngu dân về văn hóa, vạch ra thực chất bộ máy cai trị thực dân và sự tiếp tay của giáo hội, mô tả đời sống cơ cực, đau khổ của nhân dân, dự báo sự thức tỉnh và vùng lên của các dân tộc bị mất nước.

Xác định chính xác nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu, Nguyễn Ái Quốc đã khéo léo sử dụng các phương pháp điều tra và thống kê xã hội học, dựng lên một bức tranh toàn cảnh, sinh động, đầy sức thuyết phục về chế độ thực dân của đế quốc Pháp.

Nguyễn Ái Quốc đã kết hợp thành công phương pháp phân tích tư liệu, phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn. Sức mạnh thuyết phục của tác phẩm trước hết là ở chỗ tác giả đã sử dụng một nguồn tư liệu phong phú với khối lượng đồ sộ, bao gồm tư liệu chính thức và tư liệu không chính thức, tư liệu bằng lời và tư liệu thống kê để tìm ra những dữ kiện tiêu biểu. Các bản báo cáo của Phủ Toàn quyền Đông Dương, các công tác của chính phủ thuộc địa, đạo luật 25-3-1915 của Chính phủ Pháp về việc quy định điều kiện cho người thuộc địa được nhập quốc tịch Pháp, sắc lệnh năm 1898, nghị định 20-6-1921 về học chính ở Đông Dương cùng với các bài viết và tin tức trên báo chí chính quốc và thuộc địa: *Biên niên thuộc địa, Kỳ yếu nhân quyền, Người độc lập, Tin nhanh thuộc địa, Pháp - Đông Dương, Nhật báo Gionevor, Nhân đạo, Người cùng khổ.v.v...*, đã được Nguyễn Ái Quốc sử dụng triệt để với tư cách nguồn tư liệu xã hội học chính thức. Bên cạnh nguồn tư liệu đã được công bố này, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng khá nhiều tư liệu xã hội học không chính thức bao gồm: thư từ trao đổi giữa bọn cai trị người Pháp ở thuộc địa, thư từ liên lạc của những người dân thuộc địa với “Hội liên hiệp thuộc địa”, sổ tay ghi chép của các nhà du lịch, nhật ký hành quân của các lính viễn chinh. v.v... Trong số những tư liệu đó, có tư liệu bằng lời, miêu tả khá chi tiết những sự kiện cụ thể về hành động tàn bạo của bọn thực dân đối với người bản xứ, có tư liệu thống kê đưa ra những số liệu chính xác về thủ đoạn bóc lột hà khắc, thâm độc của bọn thực dân. Để vạch trần tính chất bịp bợm và sự đối xử vô nhân đạo của chính quyền thực dân đối với những người lính thuộc địa mãn hạn trở về, tác giả đã trích bức thư của một cựu binh Đahômây, trong đó có thống kê thiệt hại của ông sau chiến

tranh: “Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả. Người ta đã cướp mất của tôi:

- 1.000 frăng tiền mặt.
- 12 con lợn
- 15 con cừu
- 10 con dê
- 60 con gà
- 8 tấm vải quần mình
- 5 áo mặc ngoài
- 10 quần
- 7 mũ
- 1 dây chuyền bằng bạc
- 2 hòm đồ vật”⁽¹⁾

Hoặc, khi đề cập tới sự đình đốn của kinh tế thuộc địa sau chiến tranh thế giới, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng bức thư của đại tá Bécna gửi báo *Cộng hòa Pháp*, trong đó có thông kê mức hàng xuất khẩu ở Đông Dương từ 1914 - 1922⁽²⁾.

Trong khi thảo sát từng mặt, từng bộ phận trong toàn bộ cấu trúc của chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc luôn luôn gắn phương pháp phân tích tư liệu với phương pháp phỏng vấn miệng và phương pháp quan sát. Tác giả đã dẫn ra trong tác phẩm lời tường thuật viết hoặc lời kể miệng của rất nhiều nhân chứng sống, từng tận mắt chứng kiến chế độ bắt lính thuộc địa ở Madagátxca, Tây Phi, Đông Dương, hành động đánh đập, giết người tàn bạo của bọn quan chức, cảnh binh, nhà đoan Pháp ở Việt Nam, Tuynidi, Angiêri, và cảnh hành hạ tàn bạo của bọn thực dân đối với phụ nữ bản xứ. Đồng thời, nhiều thông số, dữ kiện nêu ra trong tác phẩm chính là kết quả quan sát trực tiếp với tư cách quan sát tham dự hoặc không tham dự của bản thân Nguyễn Ái Quốc trong thời gian Người còn ở Việt Nam và trong những năm tháng bốn ba hải ngoại. Những đoạn kết về cảnh bắt lính đánh thuê người bản xứ, cảnh tên công sứ Đaclo đánh tù khổ sai Bắc Kỳ, cảnh chạy vạy vất vả, cơ nhục của người anh em họ xin vào trường thực dân, cuộc sống lam lũ của những người phu Trung Kỳ và người nông dân Việt Nam đầu thế kỷ XX, phong trào quật khởi của nhân dân Nghệ Tĩnh năm 1908 và sự đàn áp khốc liệt của chính quyền thực dân, nổi cơ cực, tủi nhục của người phụ nữ Nam Kỳ và người phụ nữ Angiêri, v.v... có sức truyền cảm rất lớn nhờ sự quan sát sâu sắc, tinh tế của tác giả. Cùng với việc sử dụng thành công các phương pháp điều tra xã hội học, trong “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”, Nguyễn Ái Quốc đã áp dụng phương pháp thống kê để làm tăng tính khoa học, tính xác thực và tính thuyết phục của tác phẩm. Do điều kiện phát triển của khoa học và điều kiện làm việc khó khăn của những năm 20, Nguyễn Ái Quốc không có điều kiện đi sâu trong việc thử nghiệm phương pháp thống kê phức tạp. Song, những số liệu cụ thể và sự tính toán công phu của Nguyễn Ái Quốc khi tố cáo chính sách bán rượ, thuốc phiện của Pháp ở Đông Dương, chính sách bóc lột tô thuế, ruộng đất ở Việt Nam, chế độ bóc lột nhân dân Đông Dương, cơ cấu và tính chất ăn bám của bộ máy cai trị thực dân ở

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, tập 1, tr.88.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh: *Sách đã dẫn*, tr.106.

thuộc địa v.v... đã có tác dụng tố cáo, kết án hùng hồn. Khi phê phán chế độ ngu dân phản động của Pháp ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những số liệu rất điển hình và sự tính toán rất khoa học: “Lúc ấy, cứ 1.000 làng thì có đến 1.500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1.000 làng đó lại chỉ có vèn vện 10 trường học”⁽³⁾.

Để kết án tính chất ăn bám của chủ nghĩa đế quốc Pháp, ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã sử dụng rất tài tình phương pháp thống kê so sánh. “Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người có 4.898 viên chức người Âu. Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người có 4.300 viên chức người Âu. Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp thì cứ 3.490 người dân thì đã có một viên chức người Âu”⁽⁴⁾.

Việc sử dụng, kết hợp phương pháp điều tra và phương pháp thống kê đã làm cho những thông số, những dữ kiện của *Bản án chế độ thực dân Pháp* có tính đa dạng, phong phú, chân xác. *Song quan trọng hơn, trong tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện một trình độ bậc thầy khi xử lý phân loại, trình bày các thông số và các dữ kiện đó.* Nguyễn Ái Quốc đã khéo kết hợp trình bày những vấn đề khái quát với những vấn đề cụ thể, kết hợp việc mổ xẻ những chế độ, chính sách, thủ đoạn bóc lột, áp bức của chính quyền thực dân với việc điều tra tiểu sử của những tên thực dân tiêu biểu. Người đã đạt đến trình độ rất cao trong nghệ thuật phân nhóm để khảo sát: phân nhóm theo loại hình vấn đề, phân nhóm theo địa vực lãnh thổ... Do đó, những sự kiện, những hiện tượng đơn nhất được phản ánh đã có được mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau và được liên kết lại phản ánh bản chất chung của chế độ thực dân. *Một điều rất lý thú là, trong khi tiến hành nghiên cứu theo những phương pháp xã hội học mácxít, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần phê phán tính thực chứng máy móc, phi khoa học của xã hội học tư sản.* Xin dẫn nghiên văn lời đánh giá của người về một mẫu biểu phỏng vấn của Chính phủ Pháp đối với những người thuộc địa muốn nhập quốc tịch Pháp: “Như những tên ngu xuẩn, tò mò ưa soi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

- A. Vợ con có nói tiếng Pháp không?
- B. Họ có mặc Âu phục không?
- C. Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ v.v... không?
- D. Và ghé dựa nữa?
- E. Ăn trên bàn hay trên chiếu?
- F. Ăn gì?
- G. Ăn cơm hay ăn bánh mì?
- H. Anh có tài sản không?
- I. Vợ có tài sản không?
- J. Thu hoạch đồng niên bao nhiêu?
- K. Anh theo tôn giáo gì?
- L. Anh vào những hội nào?

⁽³⁾ Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr.98.

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr.127

M. Trong các hội ấy, anh giữ chức vụ gì?

N. Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế thì vì có gì mà anh lại xin nhập quốc tịch Pháp? có phải để làm viên chức không? hay để có địa vị cao? hay để tìm mỏ vàng mỏ ngọc?

O. Bạn bè thân thiết nhất là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cảm sùng lên đầu anh không?”⁽⁵⁾

Trong khi đi sâu phân tích, mổ xẻ từng mặt, từng bộ phận của chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc vận dụng phương pháp luận mácxít, đi từ những *nhận thức cấp kinh nghiệm đến nhận thức cấp lý luận*, giúp người đọc nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện về chế độ thực dân mà đế quốc Pháp đã áp đặt lên đời sống chính trị và xã hội của các dân tộc Á, Phi. Từ những khái niệm: “thuế máu”, “khai hóa”, “tham nhũng”, “công lý”, “chính sách ngu dân” và “chủ nghĩa giáo hội”, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng tư duy lý luận mácxít để đi tới những kết luận có tính chất định nghĩa về chế độ thực dân: “Dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào Việt Nam chế độ đáng nguyên rủa của thời trung cổ, người dân Việt Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh Chúa⁽⁶⁾” hoặc: “Người ta thường nói “chế độ thực dân là ăn cướp”. Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người”⁽⁷⁾.

Từ những điều trình bày ở trên, tôi tin rút ra hai kết luận:

1. *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc là tác phẩm đã vận dụng sáng tạo những tư tưởng thiên tài của Lênin trong luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bằng những dẫn chứng hùng hồn và lời lẽ đanh thép, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện đầy đủ, sinh động bộ mặt xấu xa và bản chất phản động tàn bạo của chế độ thực dân. Người đã thấy rõ số phận đau khổ của các dân tộc bị áp bức và chỉ ra xu hướng phát triển tất yếu của phong trào giải phóng dân tộc. Chỉ ra sự cần thiết cấp bách của sự liên minh chiến đấu giữa các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản các nước, đó là đóng góp lớn lao của Nguyễn Ái Quốc trong việc phát triển lý luận Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, thuộc địa.

2. *Bản án chế độ thực dân Pháp* không chỉ là tác phẩm chính trị, một tác phẩm sử học, mà còn là một công trình nghiên cứu xã hội học mácxít xét cả về phương diện phương pháp luận cũng như các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Có thể nói đây là công trình nghiên cứu của xã hội học mácxít đầu tiên ở Việt Nam, và tác giả của nó lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh chính là người đã đặt những nền móng đầu tiên cho ngành khoa học xã hội mácxít ở Việt Nam. Kể từ khi *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời đến nay, nhiều thập kỷ đã trôi qua, khoa học xã hội mácxít đã có nhiều tiến bộ vượt bậc. Song những nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu là hội học mà Nguyễn Ái Quốc đã áp dụng cách đây nửa thế kỷ vẫn là những bài học quý giá đối với Xã hội học mácxít nói chung, nhất là đối với đội ngũ xã hội học Việt Nam còn rất trẻ của chúng ta.

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr.163-164.

⁽⁶⁾ Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr.161.

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh: Sách đã dẫn, tr.188.